

Số: 17/2024/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Thực hiện Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất tại các khu vực và áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

- Hệ số điều chỉnh giá đất phi nông nghiệp tại nông thôn (Kèm theo Phụ lục I).
- Hệ số điều chỉnh giá đất phi nông nghiệp tại đô thị (Kèm theo Phụ lục II).
- Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất nông nghiệp áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo phụ lục III).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định giá đất theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất

- Các trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 114 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013;

2. Tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

3. Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;

4. Xác định giá đất của thửa đất, khu đất cần định giá mà tổng giá trị tính theo giá đất trong bảng giá đất đối với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dưới 20 tỷ đồng trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai năm 2013;

b) Tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

5. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại điều 101 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Các trường hợp khác phải áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (để thực hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- TT.TU và HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và PCT. UBND tỉnh (để chỉ đạo);
- Tòa án ND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Sở Tư pháp (để kiểm tra);
- BLĐ . VP.UBND tỉnh (để theo dõi);
- Báo Vĩnh Long (đăng báo);
- Ban biên tập cổng thông tin điện tử VL;
- Các Phòng Nghiên cứu-thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, 221.KTNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH